

Số: /HD-SNV

Lâm Đồng, ngày tháng 11 năm 2025

HƯỚNG DẪN

Việc xác định số lượng đại biểu HĐND xã, xác định đơn vị bầu cử, thành lập Ban bầu cử, Tổ bầu cử, khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031

Căn cứ Luật Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025.

Căn cứ Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân số 83/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 199/2025/QH15 ngày 21/5/2025 của Quốc hội về việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Căn cứ Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Sở Nội vụ (cơ quan Thường trực Ủy ban bầu cử tỉnh) hướng dẫn một số nghiệp vụ về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2031 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. VỀ CÁCH TÍNH SỐ LƯỢNG ĐẠI BIỂU HĐND CẤP XÃ

Điều 30 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 đã quy định rõ nguyên tắc xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân đối với từng loại đơn vị hành chính. Do đó, căn cứ theo quy định của luật, **không chia bình quân và không thực hiện việc làm tròn số đối với số lượng dân số chưa đủ mốc được cộng thêm.**

Ví dụ 1: Trường hợp Xã X (xã đồng bằng) có dân số là 19.500 dân, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu theo số dân được tính như sau:

- Từ 10.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu;

- Từ 10.000 đến 19.500 dân có thêm 04 đại biểu (*thêm 2.000 dân thì được bầu thêm 01 đại biểu; 8.000 dân được bầu 04 đại biểu, 1.500 dân còn lại không đủ bầu 01 đại biểu*);

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu tại Xã X là tổng của hai mức nêu trên: $15+4 = 19$ đại biểu.

Ví dụ 2: Trường hợp Xã X (xã đồng bằng) có dân số là 31.900 dân, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu theo số dân được tính như sau:

- Từ 10.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu;
- Từ 10.000 đến 20.000 dân có thêm 05 đại biểu (*thêm 2.000 dân thì được bầu thêm 01 đại biểu*);
- Từ 20.000 dân trở lên đến 31.900 dân: với 11.000 dân, được bầu thêm 01 đại biểu (*cứ thêm 6.000 dân thêm 01 đại biểu, số dân còn lại 5.900 dân không đủ bầu 01 đại biểu*).

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu tại Xã X là tổng của ba mức nêu trên: $15+5+1 = 21$ đại biểu.

Ví dụ 3: Phường N thuộc tỉnh có dân số 19.900 dân.

- Từ 10.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu;
- Từ 10.000 đến 19.900 dân có thêm 04 đại biểu (*thêm 2.000 dân thì được bầu thêm 01 đại biểu; 8.000 dân được bầu 04 đại biểu, 1.900 dân còn lại không đủ bầu 01 đại biểu*);

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu tại Phường N là tổng của ba mức nêu trên: $15+4 = 19$ đại biểu.

Ví dụ 4: Phường N thuộc tỉnh có dân số 65.800 dân.

- Từ 10.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu;
- Từ 10.000 đến 20.000 dân có thêm 05 đại biểu (*thêm 2.000 dân thì được bầu thêm 01 đại biểu*);
- Từ 20.000 dân đến 65.800 dân: với 45.800 dân, được bầu thêm 7 đại biểu (*cứ thêm 6.000 dân thêm 01 đại biểu*), 3.800 dân còn lại không đủ bầu 01 đại biểu.

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu tại Phường N là tổng của ba mức nêu trên: $15 + 5 + 7 = 27$ đại biểu.

Ví dụ 5: Phường K thuộc tỉnh có dân số 88.000 dân.

- Từ 10.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu;
- Từ 10.000 đến 20.000 dân có thêm 05 đại biểu (*thêm 2.000 dân thì được bầu thêm 01 đại biểu*);
- Từ 20.000 dân đến 88.000 dân: với 68.000 dân, được bầu thêm 11 đại biểu (*cứ thêm 6.000 dân thêm 01 đại biểu*).

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu tại Phường K là tổng của ba mức nêu trên: $15+5+11 = 31$ đại biểu. Nhưng tổng số không quá 30 đại biểu. Vì vậy, số đại biểu Phường K là 30 đại biểu.

* Riêng đối với xã miền núi, cách tính cũng tương tự như trên; thực hiện áp dụng khi có xác nhận hoặc công nhận xã miền núi.

II. XÁC ĐỊNH ĐƠN VỊ BẦU CỬ VÀ THÀNH LẬP BAN BẦU CỬ

1. Xác định đơn vị bầu cử (theo khoản 7, Điều 1, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân số 83/2025/QH15 và khoản 2, khoản 3 Điều 3, Hướng dẫn số 21/2025/HD-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031)

Xã, phường, đặc khu được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Số đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử do Ủy ban bầu cử ở cấp đó ấn định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp và được công bố chậm nhất là **80 ngày** trước ngày bầu cử (**trước ngày 25/12/2025**).

Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu **không quá năm đại biểu**.

Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã bao gồm một hoặc một số thôn, tổ dân phố hợp thành. Trường hợp thực sự cần thiết do thôn, tổ dân phố có số dân quá đông thì có thể chia thôn, tổ dân phố thành nhiều đơn vị bầu cử.

Số người trong danh sách ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử đó; nếu đơn vị bầu cử được bầu một hoặc hai đại biểu thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là **một người**; nếu đơn vị bầu cử được bầu ba đại biểu thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là **hai người**; nếu đơn vị bầu cử được bầu từ bốn đại biểu trở lên thì số người trong danh sách ứng cử phải nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu ít nhất là **ba người**.

Căn cứ số dân, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được bầu, Ủy ban nhân dân cấp xã dự kiến số lượng đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 của cấp mình được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử để đề nghị Ủy ban bầu cử cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Thành lập Ban bầu cử đại biểu HĐND (theo khoản 7, Điều 1, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân số 83/2025/QH15)

Chậm nhất là 70 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình một Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân gồm đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội; có thêm đại diện cử tri ở địa phương (*trước ngày 04/01/2026*).

Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có từ 09 (chín) đến 15 (mười lăm) thành viên. Ban bầu cử gồm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban, Thư ký và các Ủy viên.

III. VỀ XÁC ĐỊNH KHU VỰC BỎ PHIẾU VÀ THÀNH LẬP TỔ BẦU CỬ

1. Về xác định khu vực bỏ phiếu (theo khoản 5, Điều 1, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân số 83/2025/QH15 và Điều 4, Hướng dẫn số 21/2025/HD-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031).

Mỗi khu vực bỏ phiếu có từ ba trăm đến bốn nghìn cử tri. Ở miền núi, hải đảo và những nơi dân cư không tập trung thì dù chưa có đủ ba trăm cử tri cũng được thành lập một khu vực bỏ phiếu.

Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ số lượng cử tri, đặc điểm địa hình, việc phân bố dân cư trên địa bàn để xác định các khu vực bỏ phiếu cho phù hợp và báo cáo UBND cấp tỉnh, trong đó mỗi khu vực bỏ phiếu bao gồm một hoặc một số thôn, tổ dân phố hợp thành. Trường hợp thôn, tổ dân phố có số lượng cử tri quá đông hoặc do địa bàn rộng lớn, bị chia cắt, việc phân bố dân cư không tập trung thì có thể chia thôn, tổ dân phố thành nhiều khu vực bỏ phiếu. Việc phân chia thôn, tổ dân phố thành nhiều khu vực bỏ phiếu phải bảo đảm thuận lợi cho việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của các tổ chức phụ trách bầu cử và cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhất là trong thực hiện công tác bầu cử của Tổ bầu cử.

2. Về thành lập Tổ bầu cử (theo khoản 8, Điều 1, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân số 83/2025/QH15).

Chậm nhất là 43 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt

trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Tổ bầu cử có từ 11 (mười một) đến 21 (hai mươi một) thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương.

Đơn vị vũ trang nhân dân được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng được thành lập một Tổ bầu cử có từ 05 (năm) đến 09 (chín) thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các ủy viên là đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị vũ trang nhân dân đó.

Trong trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân và địa phương có chung một khu vực bỏ phiếu thì UBND cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân quyết định thành lập Tổ bầu cử có từ 11 (mười một) đến 21 (hai mươi một) thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương, đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị vũ trang nhân dân đó.

Danh sách Tổ Bầu cử; danh sách Tổ trưởng bầu cử đề nghị gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Nội vụ*) theo Mẫu danh sách dưới đây để tổng hợp, theo dõi:

STT	Họ tên	Năm sinh	Nam/nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Địa chỉ cơ quan	Số điện thoại

Thời gian thành lập Tổ bầu cử **chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm 2026.**

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu cần kịp thời báo cáo về Sở Nội vụ để được hướng dẫn hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- GD và các PGD Sở;
- Lưu: VT, XDCQ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Ngọc Xuân

